

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Mùi
Ông Nguyễn Trí Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Minh Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2023/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/HSST-QĐ, ngày 09/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/10/1999; Nơi cư trú: Khu 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Không xác định; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Thu H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt

2. Vũ T Đ, sinh ngày 28/5/2001; Nơi cư trú: Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Vũ T T; Mẹ đẻ: Trương Thị M; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2022 đến 07/10/2022 hủy bỏ biện pháp tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là “cấm đi khỏi nơi cư trú” và được tại ngoại. Có mặt

Bị hại: Anh Bùi Nhất S, sinh năm 2002; vắng mặt
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vũ T T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

+ Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 14, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

+ Cháu Lê Thị T, sinh năm 08/12/2006. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm H, xã P, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/8/2022, anh Bùi Nhất S sinh năm 2002 ở xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình sử dụng tài khoản Facebook đăng tin tìm việc làm. Nguyễn Anh T sinh năm 1999 ở xã N, huyện Đ có Facebook của anh S nên đã liên hệ, thỏa thuận thuê anh S chở nhân viên nữ đi chọn bài hát và rót bia cho khách tại các quán Karaoke ở thị trấn Đ, huyện Đ. Chiều 11/8/2022, anh S đi lên thị trấn Đ để gặp T. Khi đi mang theo điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh ngọc, lắp sim số 0337.747.317, có ốp ngoài bằng nhựa dẻo, bên trong ốp điện thoại anh S để 1.000.000 đồng, (gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng). Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày đi lên đến nơi, anh S thuê phòng 306, tầng 3 nhà nghỉ Xuân D ở khu Đ, thị trấn Đ của bà Trần Thị D, sinh năm 1964 để ở qua đêm. Sáng ngày 12/8/2022, T và anh S hẹn gặp nhau. Do thiếu tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, T nghĩ anh S dùng Facebook sẽ sử dụng điện thoại di động có giá trị nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại bằng thủ đoạn giả vờ hỏi mượn sau đó nhanh chóng chiếm đoạt để mang bán lấy tiền. T đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu đỏ của bạn gái là Lê Thị T, sinh năm 08/12/2006, địa chỉ: Xóm H, xã P, huyện Y, tỉnh Phú Thọ để gọi điện thoại rủ Vũ T Đ sinh năm 2001 ở xã N, huyện Đ cùng đến gặp anh S. Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không gắn biển số đến đón T. Trên đường đi, T bàn với Đ chiếm đoạt điện thoại của anh S bằng thủ đoạn như trên mang đi bán lấy tiền chia nhau. Đ đồng ý. Khoảng 09 giờ cùng ngày, cả hai đến nhà nghỉ Xuân D, Đ đứng chờ ngoài cổng nhà nghỉ, T lên phòng 306 gặp anh S. Tại đây, T giả vờ mượn điện thoại của anh S để nhắn tin, gọi điện tìm công việc cho anh S. Tin lời T, anh S tháo sim điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của mình để cho mượn. Sau đó, T tiếp tục hỏi mượn điện thoại của anh S giả vờ mang đi để đón người làm nhưng anh S không đồng ý. Lúc này, T cầm điện thoại của anh S đi ra ban công tầng 3 của nhà nghỉ gọi Đ lên, mục đích để đưa điện thoại cho Đ cầm xuống trước rồi T đi xuống sau để anh S không nghi ngờ. Khi Đ lên đến hành lang tầng 3 của nhà nghỉ, T đưa điện thoại của anh S cho Đ nhưng do anh S đang đứng bên cạnh nên Đ không dám cầm. Một lúc sau, Đ đưa chìa khóa xe mô tô của mình cho T và giả vờ bảo T đi xuống lấy thuốc lá trong cốp xe. Khi T cầm điện thoại của anh S và chìa khóa xe mô tô đi xuống đến tầng 2 thì Đ nói: “*thôi để em lấy cho*” rồi chạy theo xuống sân nhà nghỉ. Mục đích để cả hai nhanh chóng ra xe tẩu thoát. Ra đến vị trí để xe máy, T cất điện thoại chiếm đoạt được vào túi quần rồi đưa chìa khóa xe mô tô cho Đ nổ máy, điều khiển chở T đi về hướng Việt Trì. Mặc dù S chạy dõn dõn theo nhưng không kịp. Trên đường đi, Đ dừng xe đòi cho T lái và bảo T đưa điện thoại chiếm đoạt được cho Đ cầm. Khi Đ tháo ốp điện thoại ra xem thấy có 2 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng nhưng chỉ nói với T trong ốp điện thoại có 500.000 đồng và cất tiền vào túi đồng thời vứt ốp điện thoại xuống ven đường. Sau đó cả hai đi đến cửa hàng điện thoại của anh Hoàng Ngọc T sinh năm 1986 ở khu 9 xã P, thị xã P. T nói với anh T muốn bán chiếc điện thoại của mình bị thu giữ khi đi nhập ngũ, nay xuất

ngũ mới lấy lại nhưng không nhớ mặt khẩu màn hình. Anh T tin tưởng đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Sau khi bán xong, T chia cho Đ 500.000 đồng, còn giữ lại 1.500.000 đồng. Đối với số tiền trong ốp điện thoại của anh S, Đ nói có 500.000 đồng và sẽ chia cho T một nửa nhưng chưa chia vì không có tiền lẻ. Số tiền này sau đó Đ đã chi tiêu hết.

Quá trình điều tra, sau khi biết được chiếc điện thoại di động Iphone 11 mua của T là tài sản do phạm tội mà có, anh T đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá xác định giá trị chiếc điện thoại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 15/8/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện Đoan Hùng định giá xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 trị giá 9.000.000 đồng; chiếc ốp điện thoại trị giá 50.000 đồng.

Như vậy, tổng tài sản mà T và Đ chiếm đoạt được của anh S là 10.050.000 đồng, (bao gồm cả 1.000.000 đồng để trong ốp điện thoại).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Anh T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu đỏ, lắp 02 sim số 0325.791.936 và số 0962.735.262; số tiền 1.000.000 đồng. Thu giữ của Vũ T Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, lắp sim số 0979.649.319; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen, không gắn biển số; 01 (một) áo phông cộc tay, cổ tròn, màu đen; 01 (một) quần đùi bằng vải phông, màu ghi xám, đã qua sử dụng. Hiện vẫn đang tạm giữ những đồ vật, tài sản này.

Đối với chiếc điện thoại là vật chứng của vụ án, sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Bùi Nhất S.

Quá trình điều tra ban đầu xác định hành vi của Nguyễn Anh T và Vũ T Đ đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Cơ quan điều tra đã khởi tố, kết luận điều tra, Viện kiểm sát đã ban hành Cáo trạng truy tố T và Đ về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đồng thời chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng để xét xử. Sau đó Tòa án ra Quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung, xác định lại tội danh của bị can. Viện kiểm sát sau đó đã trả lại hồ sơ yêu cầu Cơ quan điều tra điều tra bổ sung. Quá trình điều tra bổ sung xác định hành vi của Nguyễn Anh T và Vũ T Đ đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã ra quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự, thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với T và Đ từ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sang tội “Cướp giật tài sản”.

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT - VKSDH ngày 02/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Anh T, Vũ T Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T, Vũ T Đ về tội “Cướp giật tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 15/8/2022.

Áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm b,s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ T Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ T Đ cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ông Vũ T T là bố đẻ bị cáo Đ đã trả lại cho anh Bùi Nhất S số tiền 1.000.000.đ, trả lại cho anh Hoàng Ngọc T số tiền 500.000.đ; Anh S và anh T đã nhận số tiền trên. Ông Vũ T T không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền trên. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào nên không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

+ Xác nhận Cơ quan điều tra – Công an huyện Đoan Hùng đã trả lại cho anh Bùi Nhất S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh ngọc, không cài thẻ sim.

+ Trả lại số tiền 1.000.000.đ. cho anh Hoàng Ngọc T.

+ Trả lại cho cháu Lê Thị T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu đỏ, lắp sim số 0325.791.936 và số 0962.735.262.

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, lắp sim 01 thẻ sim số 0979.649.319; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen, không gắn biển số cho bị cáo Vũ T Đ.

Tịch thu để tiêu hủy: 01 (một) áo phong cộc tay, cổ tròn, màu đen, dài 70cm, chiều rộng tính từ 2 đầu tay áo là 88cm, trước ngực in 02 hình con gấu màu nâu xám và 01 hình con gấu màu trắng, áo đã qua sử dụng; 01 (một) quần đùi bằng vải phong, màu ghi xám, dài 46cm, chiều rộng cạp quần 34cm, phía trước ống quần bên trái có gắn lô gô chữ F màu trắng trong nền màu đỏ của bị cáo Vũ T Đ.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Đoan Hùng; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Anh T, Vũ T Đ đã khai nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 12/8/2022, tại nhà nghỉ Xuân D thuộc khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, Nguyễn Anh T và Vũ T Đ cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh ngọc, có ốp ngoài bằng nhựa đã qua sử dụng của anh Bùi Nhất S. Chiếc điện thoại trị giá 9.000.000 đồng. Ốp điện thoại trị giá 50.000 đồng. Bên trong ốp điện thoại có để 1.000.000 đồng. Tổng tài sản T và Đ chiếm đoạt được là 10.050.000 đồng, (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T, Vũ T Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Vụ án các bị cáo phạm tội có tính chất nghiêm trọng, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có việc tổ chức phân công vai trò cụ thể, bị cáo Nguyễn Anh T là người khởi xướng, rủ rê còn bị cáo Vũ T Đ tham gia với vai trò là đồng phạm tích cực. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức được rằng hành vi dùng thủ đoạn gian dối để tạo lòng tin và công khai chiếm đoạt tài sản của người khác một cách nhanh chóng rồi tẩu thoát để tránh sự phản kháng của chủ sở hữu nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Do vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự.

Bị cáo Vũ T Đ đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, vai trò của các bị cáo trong vụ án, trên

cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Xét thấy việc ông Vũ T T là bố đẻ bị cáo Đ đã trả lại cho anh Bùi Nhất S số tiền 1.000.000.đ, trả lại cho anh Hoàng Ngọc T số tiền 500.000.đ; Anh S và anh T đã nhận số tiền trên, ông Vũ T T không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền mà ông đã bồi thường thay cho bị cáo cần được xác nhận. Số tiền 1.000.000.đ đang tạm thu giữ của bị cáo T là tiền anh Hoàng Ngọc T đã trả cho bị cáo, anh T không biết điện thoại bị cáo bán cho mình là tài sản trộm cắp, anh T có yêu cầu buộc bị cáo phải trả lại số tiền nêu trên. Do vậy, cần trả lại số tiền 1.000.000 đồng đang tạm thu giữ của bị cáo cho anh T là hợp pháp. Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh ngọc, không cài thẻ sim là tài sản hợp pháp của anh Bùi Nhất S nên cần trả lại cho S là hợp pháp.

Trả lại số tiền 1.000.000.đ. đang tạm thu giữ của bị cáo T cho anh Hoàng Ngọc T là hợp pháp.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu đỏ, lắp sim số 0325.791.936 và số 0962.735.262 bị cáo T đã mượn của cháu Lê Thị T, cháu T không biết T mượn với mục đích để làm gì nên trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho cháu Lê Thị T là hợp pháp.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng kèm thẻ sim số 0979.649.319; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen, không gắn biển số của bị cáo Vũ T Đ là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi vi phạm của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) áo phông cộc tay, cổ tròn, màu đen, dài 70cm, chiều rộng tính từ 2 đầu tay áo là 88cm, trước ngực in 02 hình con gấu màu nâu xám và 01 hình con gấu màu trắng, áo đã qua sử dụng; 01 (một) quần đùi bằng vải phông, màu ghi xám, dài 46cm, chiều rộng cạp quần 34cm, phía trước ống quần bên trái có gắn lô gô chữ F màu trắng trong nền màu đỏ của bị cáo Vũ T Đ. Bị cáo Đ không có yêu cầu nhận lại và cũng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[7] Đối với anh Hoàng Ngọc T không biết chiếc điện thoại di động Iphone 11, T và Đ bán cho mình là điện thoại do T và Đ chiếm đoạt của anh S, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

[8]. Đối với cháu Lê Thị T, không biết, không liên quan đến hành vi cướp giật tài sản của T và Đ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 171; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Anh T;

Căn cứ khoản 1 Điều 171; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ T Đ;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Anh T, Vũ T Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 15/8/2022.

Xử phạt bị cáo Vũ T Đ 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 27/02/2023.

Giao bị cáo Vũ T Đ cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ông Vũ T T là bố đẻ bị cáo Đ đã trả lại cho anh Bùi Nhất S số tiền 1.000.000.đ, trả lại cho anh Hoàng Ngọc T số tiền 500.000.đ; Anh S và anh T đã nhận số tiền trên; Ông Vũ T T không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền trên. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng:

+ Xác nhận Cơ quan điều tra - Công an huyện Đoan Hùng đã trả lại cho anh Bùi Nhất S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh ngọc, không cài thẻ sim. (Biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/8/2022 lưu hồ sơ vụ án)

+ Trả lại cho anh Hoàng Ngọc T số tiền 1.000.000.đ (một triệu đồng).

+ Trả lại cho cháu Lê Thị T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu đỏ, lắp sim số 0325.791.936 và số 0962.735.262.

+ Trả lại cho bị cáo Vũ T Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, 01 thẻ sim số 0979.649.319; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen, không gắn biển số.

Tịch thu để tiêu hủy: 01 (một) áo phong cộc tay, cổ tròn, màu đen, dài 70cm, chiều rộng tính từ 2 đầu tay áo là 88cm, trước ngực in 02 hình con gấu màu nâu xám và 01 hình con gấu màu trắng, áo đã qua sử dụng; 01 (một) quần đùi bằng vải phong, màu ghi xám, dài 46cm, chiều rộng cạp quần 34cm, phía trước ống quần bên trái có gắn lô gô chữ F màu trắng trong nền màu đỏ của Vũ T Đ.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T, Vũ T Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- VKS ND huyện Đoan Hùng;
- Công an huyện Đoan Hùng;
- Trại giam;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khanh